

NHỮNG NÉT ĐẶC TRUNG TRONG NGÔI VƯỜN XỨ HUẾ

NGUYỄN HỮU THÔNG

Đô thị Huế cho dù hình thành không trên quy luật của sự hội tụ thương nghiệp hay giao dịch thương mại, nhưng, xuất phát từ nhu cầu xây dựng khu trung tâm chính trị- hành chính quốc gia một thời, không thể không nhận nhậ, mang tính chất của thị tứ. Dù sao, đặc trưng của những dạng đô thị hình thành theo kiểu như vậy, vẫn không mang tính điển hình của một thành phố thương nghiệp sầm uất. Những gì mà con người xứ Huế được và mất từ yếu tố này cũng đã biểu lộ nhiều khía cạnh đặc thù trong cách ứng xử của mình: Tính năng động trong thương trường bị hạn chế; sự nhạy bén với những yếu tố mới lạ cần đến chút phiêu lưu thử thách thường ít được chấp nhận; tính dự báo không cao... Đây cũng là biểu hiện của dạng tâm lý phòng thủ, thận trọng trong lời nói, kín đáo trong quan hệ; thích được hiểu từ sự khám phá hơn là bằng ngôn ngữ bộc trực; ngại nói về mình và rất sợ dư luận. Cho nên, cuộc sống cá nhân của mỗi người từ ức chế đó đã biểu lộ một cách khá toàn diện và tinh tế trong một không gian khép kín hơn, riêng tư hơn, đó chính là ngôi nhà và khu vườn của mình.

Tôi cho rằng, khi Huế mất vai trò lịch sử là thủ đô của một nhà nước phong kiến cũng là lúc Huế mất luôn vai trò trung tâm giao lưu nhiều mặt và nhanh chóng xuất hiện dưới hình ảnh khu phố nhỏ của hoài niệm. Nhưng, lịch sử cũng đã từng giao trọng trách là đầu não của quốc gia cho Huế, nên khu phố nhỏ ven sông hiện lên bên dòng Hương Giang êm đềm cũng là nơi sinh sống của những con người được giao tiếp với rất nhiều thành phần của xã hội từ vua, quan, thượng lưu, những nhà chính trị- xã hội- văn hoá, những đại trí

thức, văn nghệ sĩ lớn, những người thợ giỏi... cho đến những tầng lớp phiêu bạt từ khắp nơi về đây kiếm sống. Sự lịch lãm, khôn khéo, tế nhị, ý tứ của người Huế cũng nhờ môi trường ấy nuôi dưỡng, tác động và ảnh hưởng không nhỏ đến họ.

Đã từng có hai tính cách trong một người Huế sống vào thời chuyển giao vai trò lịch sử giữa hai triều đại phong kiến và hậu phong kiến; một là con người của thủ đô lịch lãm và một con người của tỉnh lẻ trầm lắng hiện lên một cách vội vàng sau đó.

1. Việc xây dựng kinh thành Huế trong quá khứ với khuôn viên rộng, tạo sự uy nghiêm và cách ly với quần chúng đã khiến cho thiên nhiên, với cây, trái, hoa, lá, cỏ, đá... lẫn những quảng trường được thiết lập, trở thành không gian hoành tráng, làm nền tôn tạo cho kiến trúc cung đình mà đằng sau hoàng thành cũng là hệ thống những khu vườn ngự, muôn hương nghìn sắc. Trên phép ứng dụng các yếu tố phong thủy, khu vườn lớn của Huế lồng trong thiên nhiên mà phần nào đã tựa vào thành quả của tạo hoá như sông, núi, cồn, bãi... đó là những tiền, hậu, tả, hữu tuyệt đẹp, tô điểm cho những “đại hoa viên” được tạo dựng một cách khéo léo và có dụng ý của con người. Cho nên, nói đến ngoại hình của Huế, điều trước nhất phải đề cập đó là thành phố vườn. Chính vì nó mà phần lớn người Huế không có nhu cầu hay cái thú dạo công viên. Trong khi đó, dân ở những thành phố lớn lại khao khát một không gian thiên nhiên yên ả để lắng mình cùng cỏ cây, khép lại khoảng khắc của sự náo loạn và căng thẳng trong mọi mối quan hệ xã hội, mà bản thân những ngôi nhà chung vách hàng hàng, lớp lớp, đã cắt họ khỏi mối liên hệ giữa con người

và thiên nhiên. Ở những nơi này, nhu cầu sinh hoạt trong công viên mỗi sớm, mỗi chiều để đọc báo, tản bộ, thư giãn... thiết thân đến độ ở đâu cũng dày đặc người; nhất là những người già, khi tuổi đời đã đẩy họ xa dần với những trớ buộc, bon chen trong cuộc cạnh tranh kiếm sống. Trái lại, người Huế sống cạnh những “đại hoa viên”, sông, núi, cây, cỏ gần gũi đến mức ở đâu cũng có thể trông thấy, và bất cứ ai có cơ hội, cũng cố tạo một khung thiên nhiên cho chính mình, có khi chỉ là một khoảng rất nhỏ, cố sắp xếp và tận dụng như một loại “vườn treo” trên trần mái.

Cho nên, người Huế ngôi ở nhà đã tự cảm thấy đang sống trong nhiều tầng công viên, có thiên nhiên của tự nhiên tự tạo quanh mình.

Khi Huế đang còn là nơi đặt bộ máy điều hành hoạt động của xứ Đàng trong và sau đó là toàn bộ đất nước, khối viên chức trong Tam ty thời các Chúa hay trong Lục bộ dưới triều vua Nguyễn; khối Hoàng thân quốc thích, kể cả những tầng lớp giàu lên nhờ ân sủng của chế độ phong kiến để dần dần thượng lưu hoá... đã bằng quyền lực và tiền tài xây dựng một hệ thống các cung điện, phủ đệ, lăng tẩm, đền miếu, từ đường...; có nơi là kiến trúc công, nhưng cũng có nơi là cơ ngơi riêng của từng cá nhân hay dòng tộc, và không phải không có những khuôn viên như một “tiểu triều đình” trong cấu trúc lẫn quy mô. Chính nơi đây, những khu vườn lớn thứ hai như các vệ tinh được thiết lập quanh Huế, tạo nên những ấn tượng cũng cố cách nhìn cho du khách về một thành phố vườn.

2. Không phải từ khi người Việt vào Nam mà trong dòng truyền bá từ đất Ấn, Phật giáo đã thấm dần trên vùng đất Trung bộ nói chung và Huế nói riêng từ những thế kỷ đầu công nguyên. Đó là một trong những lý do tại sao Huế trở thành

đất thánh cho việc xây dựng chùa, tu viện, thảo am Phật giáo. Chấp cánh cho mật độ chùa ngày càng nhiều trên đất Huế, phải kể đến thời gian ra đời của Huế với tư cách là thủ phủ của xứ Đàng trong, nơi mà các chúa dần dắt đoàn lưu dân vượt sông Gianh, bám lấy giáo lý nhà Phật như là biện pháp để an dân, đối phó với vùng đất mới nhiều thủ thách, cũng như để xoa dịu nỗi buồn xa xứ... Chùa Huế vào thời Nguyễn, với chủ trương của triều đình theo phương châm “cư Nho- mộ Thích” đã tạo điều kiện cho việc quy mô hoá các ngôi quốc tự, cũng như sự ra đời của một số danh lam khác. Công cuộc chấn hưng Phật giáo vào đầu thế kỷ XX cũng là nhân tố quan trọng để chùa Huế càng nhiều. Vườn chùa, vườn thiền là những không gian mới điểm tô cho vườn Huế, bởi thiên nhiên, cây cỏ, hoa lá, đá, nước... như là yếu tố tiên khởi cho sự hiện diện của kiến trúc Phật Giáo. Từ những vườn được quy hoạch phối hợp kiến trúc theo dạng tổ hợp với mô hình thiết kế chữ *Công* (工), chữ *Đinh* (丁) hay *nội công- ngoại quốc* (国) của một số các ngôi quốc tự hay đại danh lam, cho đến những ngôi thảo am đơn giản, thoát tục ẩn hiện thấp thoáng trong rừng cây xanh; sự đa dạng của bố cục và cảnh sắc vườn Huế từ các thiền viện tạo nên cho Huế nét trầm mặc, cổ kính và thanh thoát. Có nơi, thiên nhiên được tái tạo một cách kỳ diệu và kín đáo; sự đơn giản, mộc mạc, xen chút hoang sơ đã trở thành những thuyết minh không lời về cuộc sống bình dị, nhẹ nhàng của chủ nhân.

3. Những loại hình vườn vừa đề cập, bấy lâu được xem như đối tượng khảo sát hay điểm miêu thuật để khái quát thành những đặc trưng vườn Huế. Thật ra, đây chỉ là một mảng đáng kể trong quá trình tìm hiểu không gian văn hoá nhà vườn xứ Huế, bởi, tính phổ biến nhưng cũng mang chất đặc thù không kém của vùng đất này chính là những ngôi nhà vườn dân dã. Sự

hình thành của loại nhà- vườn mà chủ nhân là những người nông dân chất phác, bình dị, đều là những hình ảnh cũng như những cứ liệu quan trọng chứa đựng nhiều yếu tố về mặt triết lý, phong tục, văn hóa... của đại bộ phận quần chúng cư trú trên vùng đất này.

Địa hình, địa mạo miền Trung và Huế nói riêng, chỉ nhìn trên bản đồ tự nhiên, cũng đã tự nói lên nhiều điều; tuy có chút khập khiễng trong so sánh, nhưng dù sao hai đầu Nam- Bắc Việt Nam vẫn cho ta thấy được nét đặc trưng của hệ sinh thái và văn hoá châu thổ. Ngoài khu núi rừng phía Bắc - Tây Bắc, nơi sinh tụ để làm nên văn hoá Việt cổ vẫn là những vùng trũng phù sa của sông Hồng, sông Mã. Hình ảnh đặc trưng của xóm làng Nam Bộ vẫn tồn tại trên vùng trũng màu mỡ với kênh rạch chằng chịt của đồng bằng phù sa Cửu Long Giang... Trong lúc đó, lát cắt trúc diện của cấu tạo địa hình miền Trung trông thật xa cách với hai đầu đất nước. Cư dân ở đây quần tụ trên những dạng thiên nhiên "giàu chất thơ" nhưng lại đầy thách thức với người sống bằng nghề trồng trọt. Cuộc hành trình từ đông sang tây ở khúc eo thắt này có thể giải quyết bằng phương thức đi bộ theo ngày- cho nên, cơ cấu kinh tế mang chất tiểu vùng cũng từ đây nhập nhằng khó phân biệt. Người nông dân có thể thu nhập thêm bằng nghề sơn tràng hay đánh bắt cá. Ngư dân cũng không xa lạ với sản vật núi rừng. Vùng thổ cư tồn tại trên những dạng địa hình dễ nhìn thấy, dễ quan sát và so sánh bằng hình ảnh cụ thể trong tầm mắt nhìn. Đó là những khu cư trú ven biển và đầm phá, nơi xuất hiện các dải đại trường sa, tiểu trường sa như bức bình phong vừa che chở, vừa cản trở, đe dọa từ hiện tượng cát bồi, cát lấp vùng trồng trọt. Các khu canh tác ở đây tồn tại trên vùng đất pha cát nhiễm phèn, nhiễm mặn mà người dân địa phương gọi là "đất trảng". Cho nên, ở

một số nơi, người ta tin vào hệ rau củ hơn cả những gì mà lúa nước đem lại:

*"Đẹp gái xinh trai cũng nhờ khoai với củ
Ấm no, đầy đủ cũng nhờ củ với khoai"*

Củ khoai, củ sắn, củ môn, củ nưa... ở đây có một vị trí khá quan trọng trong cơ cấu lương thực hàng ngày lẫn chức năng hàng hoá trong hoạt động kinh tế. Điều đặc biệt là trên nền cát khô cằn ấy, con người sống trên thềm biển và đầm phá, một số nơi như Vinh Thanh, Vinh Mỹ, Vinh Giang... cũng đã xây dựng vườn cây ăn trái và rau củ như một ngành kinh tế thu thập cho gia đình. Cảnh sắc vườn tược ở đây như là điểm minh họa sinh động và sắc sảo câu nói "người ta- hoa đất". Họ tạo luống với những rãnh sâu để thau chua, rửa mặn và nhiều loại cây trái như cau, hồng xiêm, măng cầu, ổi, mít, đu đủ... xanh rờn bóng mát với cây trái xum xuê; những luống rau, những giàn bí, bầu, mướp, sây quả...; tất cả hiện lên từ sự chăm bón khó nhọc gấp nhiều lần so với những vùng đất thịt phù sa.

4. Huế cũng là nơi mật tập của những sông suối, nguồn nước lớn, cắt vụn địa hình; phía tây là núi và chân núi có chỗ chìa ra tận biển. Vùng thổ cư giãn dài trên những dải phù sa nhỏ hẹp; đây có thể xem như một phần trong khu vực đồng bằng ít ỏi của Huế. Các dải đất thịt này phân bố chủ yếu theo trục các nguồn nước chảy từ tây sang đông hoặc tây bắc- đông nam. Hình ảnh những khu vườn ở đây chính là nơi mà số lượng chủng loại, cũng như độ thâm canh được chú trọng nhiều nhất. Người làm vườn trên vùng đất này tỏ ra tự tin hơn về khoản thu nhập từ cây trái, rau quả. Câu nói cửa miệng của họ đã bắt đầu hàm chứa chút tự hào: "lóc xóc không bằng góc vườn". Các kiểu nhà vườn thượng lưu lần dần đã thuộc loại hình này ở Huế phân bố chủ yếu dọc các con sông và phân lưu của nó. Những khu vườn nổi tiếng ở trung tâm và vùng ven Huế được

xây dựng dọc hai bờ sông Hương với Long Hồ, Ngọc Hồ, Nguyệt Biều, Lương Quán, Kim Long, Dương Xuân, Vĩ Dạ... Điều dễ nhìn thấy ở đây là loại hình vườn tạp, đa chủng, đa tầng; tính chuyên canh không cao và cứ mùa nào thức ấy, cung cấp nguồn thực phẩm, sản vật liên quan đến nghi lễ, phong tục, hương liệu, sức khỏe, giải trí- thư giãn, triết lý nhân sinh lẫn sinh hoạt thiết thực cho con người. Nguồn cung cấp thường xuyên, khiêm tốn bởi tính đa chủng của các khu vườn Huế như một loại kho hậu cần cho những hoạt động của kiểu gia đình nặng chất khép kín, tự cấp và hướng nội.

5. Xen kẽ với các kiểu vườn vừa nêu là địa hình của vùng gò đồi. Có thể xem đây là sự giao lưu của sườn đông Trường Sơn với dải cát biển, đầm phá.

Qua những biến động của lịch sử và tác động của con người, vùng gò đồi Thừa Thiên- Huế, ngoài những thung lũng nhỏ hẹp để khai thác ruộng nước, những khu rừng nguyên sinh ngày càng trở nên hiếm hoi. Phần lớn vùng gò đồi là rừng trồng, rừng tái sinh, hoặc những dải bạc màu vì xói lở. Thảm thực vật của những vùng gò đồi trọc là hệ cây sim, mua, trầm, chổi... chịu hạn và có thể tồn tại trên những loại đất nghèo dinh dưỡng và điều kiện sống khắc nghiệt. Vùng thổ cư và canh tác của các làng xã ở đây cho ta thấy hình ảnh của những kiểu vườn với hệ cây chịu hạn, hoặc thích hợp với thổ nhưỡng, điều kiện về độ ráo và địa hình cao. Vườn ở đây cũng toả rợp bóng mát của các loại cây lấy gỗ, tre, nứa, chè, nhãn, bồ kết, thơm, mít, đu đủ...; ngoài ra còn có rau, bầu bí, và nhất là cây su su... Chúng ta có thể thấy những khu vườn điển hình này ở Thủy Xuân, Thủy Bằng, các xã phía tây của Hương Thủy, Hương Trà, Phú Lộc... Chủ nhân thường giải quyết thu nhập kinh tế qua việc khai thác than củi và một số ngành thủ công. Tính chuyên canh ở những khu vườn này nổi trội hơn so với các địa hình

khác. Mối quan hệ giữa vườn- nương và rẫy cũng rõ ràng hơn.

Đa dạng về địa hình cảnh quan đã làm nên đa dạng cho những khu vườn Huế. Sự hội tụ và giao lưu với tư cách là thủ phủ miền đồi kinh đô của nước trong giai đoạn lịch sử trên 300 năm cũng đã tạo nên không gian cư trú cho nhiều tầng lớp xã hội; tạo nên chất đa tính cách cũng như sự phong phú về mặt tư tưởng, bố cục, quy mô, thiết kế vườn. Chính nét thơ mộng trữ tình của sơn thủy xứ Huế đã trở thành những gợi ý của tạo hoá cho con người tổ chức không gian cư trú của mình thành những tiểu thế giới hoà vào đại cảnh của thiên nhiên. Cho nên, nét đặc trưng của nhiều loại hình nhà vườn ở Huế là tính pha tạp, đa chủng loại, có tính toán của chủ nhân đối với hệ cây trồng. Bố cục vườn Huế thường thuận theo khung thiên nhiên nhưng không hoành tráng. Tính chuyên canh của những khu vườn ở đây không lớn, chủ nhân chỉ thích mùa nào cũng có sản vật, không màng đến thời vụ để thu hoạch theo kiểu hàng hoá. Không gian xanh ở đây tưởng như do tự nhiên bày sẵn, nhưng nếu chú mục thì chúng ta cũng có thể nhận ra trong vườn Huế là hệ cây đại được giữ lại có mục đích như rau má, mã đề, rau trai, me đất, ngò tây, rau rìu, rau éo...; những cây hoa phục vụ phong tục, tín ngưỡng như phượng, hoàng anh, mỏ keo, hoa chuối...; cây hương liệu để pha trà như sồi, tường vi, ngâu, lài, mộc...; cây dược liệu để trị bệnh hay làm gia vị như ngải cứu, hành, riềng, sả, ớt, rau tòn, long tu, lá lốt, rau thơm, rau răm, quế, húng...; cây cảnh không chỉ tùng, trúc, xanh, si... mà còn có hệ cây của vùng họ đồi như sim, mua, trầm, chổi...; hoa cảnh như: lan, hồng, cúc...; hoa tạo hương như dạ lí, hoàng lan, ngọc lan, quỳnh, bại hoại...; cây dùng làm lá gói hoặc nguyên liệu bánh trái như lá dong, lá gai... Huế quý những loại cây ra quả trái mùa dù năng suất thấp bởi ước nguyện có

được phẩm vật bốn mùa để dâng cúng trên bàn thờ Phật và tổ tiên, có quả quanh năm cho con cháu, có cái để đem ra chợ hàng ngày. Cũng từ đặc điểm đa chủng, vườn Huế đã tạo nên khung cảnh của một rừng cây xanh, nhiều tầng lá; không quá chú trọng đến quy hoạch mặt bằng của diện tích cho chủng loại cây trồng như vườn phía Bắc, không chuyên canh từng giống cây trái trên diện tích lớn như phương Nam, vườn Huế chỉ có cây trồng chen chúc để tồn tại một cách hợp lý trong bóng rợp của nhau. Chất vườn rừng trong không gian cây xanh quanh những ngôi nhà Huế phải được xem là ấn tượng đầu tiên khi tiếp cận với nó. Nhưng thật ra, đó chỉ là một thứ vườn rừng “giả vờ”, mỗi loại cây đều tồn tại theo đặc điểm sinh học của mình, mà người Huế đã tổng kết để an vị chúng. Chen chúc nhưng không cản trở nhau phát triển; và cũng chính về tính đa chủng, đa tầng, đa dạng của cơ cấu cây trồng, người Huế đã phải quy hoạch chúng vừa theo trục đứng của không gian từ cây cao đến cây thấp, không bị ảnh hưởng vì tầng lá phủ của nhau, vừa bố trí theo mặt bằng của diện tích. Tôi vẫn cho nét đặc thù cũng như ấn tượng vườn Huế phải được bắt đầu từ đó.

Trên mặt đồng đại, vườn Huế được kiến thiết không chỉ dưới tác động của địa hình, địa mạo mà còn chịu ảnh hưởng của xã hội, sự giao lưu mạnh mẽ của nhiều luồng văn hoá, sự khác nhau của thân phận chủ nhân. Trên khung lịch đại, vườn Huế cũng có những đổi thay dần theo chất liệu quy mô và kết cấu của kiến trúc nhà ở; sự phá vỡ dần bóng dáng của những đại gia đình Huế xưa; sự chuyển dịch hay sa sút của một số danh gia khi phong kiến lụi tàn... đã làm cho chúng hoặc bị xé nhỏ hoặc không còn điều kiện để được chăm sóc như trước. Những diễn biến theo hướng này đáng buồn là xảy ra chủ yếu ở những ngôi nhà vườn đẹp, một thời nổi tiếng của Huế.

Ngoài không gian giao tiếp xã hội, mỗi người đều bị chi phối ít nhiều về mặt tính cách, quan niệm, lối sống trong không gian sinh hoạt nhỏ hơn của gia đình. Chúng ta không thể không bàn tính đến sự khác nhau giữa hai con người, một lớn lên trong môi trường đô thị, ngày ngày phải đối diện và nhập thân trong không khí huyên náo, cạnh tranh, chen chúc, ở đó, sự thừa nhận lẫn nhau có khi dựa trên một số chuẩn giá trị không hẳn đã khớp với con người thứ hai, thức dậy trong tiếng chim riu rít và khu vườn rợp bóng mát và mỗi gốc cây khóm lá đều gắn bó với ý tình, kỷ niệm và với chính cuộc sống cơm áo đời thường của họ.

Tài liệu tham khảo

1. Vô Danh Thị. *Ô Châu cận lục* (Dương Văn An Nhuận sắc tập thành). Bùi Lương dịch. Nxb. Á Châu, Sài Gòn 1961)
2. Trần Lâm Biên. Huế, *Mỹ thuật Nguyễn, những cái riêng*. Tc. Nghiên cứu nghệ thuật, số 3 - 1979.
3. Từ Chi, Nguyễn Quốc Hùng. *Thăm lại di tích Huế*. Tc. Sông Hương, số 12 - 1995.
4. Lê Quý Đôn. *Phủ biên tạp lục*, Phủ QVK đặc trách văn hoá, Sài Gòn 1972.
5. Trần Hùng. *Từ đô thị vườn tới làng kiến trúc phong cảnh*. Nhân dân chủ nhật, số 27 - 1994.
6. Đặng Tiến Nam. *Cây cảnh và đời sống văn hoá*. Việt Nam hương sắc, số 11-1994.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 1, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1992.
8. Mai Văn Phô. *Về việc trồng cây xanh ở thành phố Huế*. Tc. TTKH& MT Thừa Thiên Huế, số 1- 1992.
9. Nguyễn Hữu Quán. *Vườn Huế*, Tc. Người làm vườn, số 11- 1991.
10. *Tham luận về kinh tế vườn tại kỳ họp 14 khoá 7*. HDND thành phố Huế (phòng Nông Lâm Ngư).
11. *Nghiên cứu xây dựng một số vườn phục vụ du lịch Huế và phụ cận*. Đề tài cấp tỉnh năm 1986, Sở KHCN&MT Thừa Thiên-Huế.